

BÁO CÁO

Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2023

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-STP ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình báo cáo như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2023

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2023 theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính.

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên website của Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn)

3. Thời điểm công khai: Ngày 10/1/2024

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2023

1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:

- Thu từ thù lao dịch vụ đấu giá: 1.679.731.831 đồng đạt 55,99% so với dự toán giao.

- Nộp NSNN: 167.973.183 đồng đạt 55,99% so với dự toán giao.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

a) Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2023: 946.000.000 đồng

- Kinh phí đã sử dụng hết quý IV/2023: 176.855.328 đồng; đạt 18.25% so với dự toán giao.

b) Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2023: 23.000.000 đồng.

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2023: 0 đồng.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

-Website STP;

-Lưu KT, VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

Lã Khắc Khánh



Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ đấu giá
tài sản tỉnh Ninh Bình.
Chương: 414

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 10 tháng 01 năm 2024

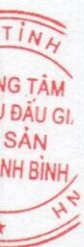
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý IV/2023	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (%)
I	Tổng số thu dịch vụ, thu khác	3.000.000.000	1.679.731.831	55,99	
1	Số thu tại đơn vị	3.000.000.000	1.679.731.831	55,99	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	2.700.000.000	1.832.564.164	67,87	
1	Chi sự nghiệp	2.700.000.000	1.832.564.164	67,87	
2	Chi quản lý hàng chính				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	969.000.000	176.855.328	18,25	
1	<i>Nguồn kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ</i>	946.000.000	176.855.328	18,70	
	-Mục 6000: Tiền lương	534.000.000	120.511.206	22,57	248,37
	+Tiểu mục 6001: Lương ngạch, bậc		114.074.406	21,36	275,49
	+Tiểu mục: 6099: Lương hợp đồng		6.436.800	1,21	90,50
	-Mục 6100: Phụ cấp lương	22.000.000	5.364.000	24,38	325,79
	+Tiểu mục 6101: Phụ cấp chức vụ	18.000.000	5.364.000	29,80	325,79
	+Tiểu mục 6113: Phụ cấp trách nhiệm	4.000.000			
	-Mục 6300: các khoản đóng góp	130.000.000	30.584.965	23,53	#REF!
	+Tiểu mục 6301: Bảo hiểm xã hội	96.700.000	22.028.161	22,78	139,50
	+Tiểu mục 6302: Bảo hiểm y tế	16.600.000	3.776.256	22,75	139,50
	+Tiểu mục 6303: Kinh phí Công đoàn	11.100.000	3.521.796	31,73	99,26
	+Tiểu mục 6304: Bảo hiểm thất nghiệp	5.600.000	1.258.752	22,48	139,50

-Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	33.000.000	2.643.957	0,08	105,76
+Tiểu mục 6501: tiền điện	24.000.000	2.643.957	11,02	105,76
+Tiểu mục 6502: tiền nước	3.000.000			
+Tiểu mục 6503: Vệ sinh Môi trường	3.600.000			
+ Tiểu mục 6549: Chi khác	2.400.000			
Mục 6550: Vật tư văn phòng	24.000.000			
+Tiểu mục 6551: Văn phòng phẩm	12.000.000			
+Tiểu mục 6552:Mua sắm dụng cụ VP	6.000.000			
+Tiểu mục 6599: Tiền vật tư văn phòng khác	6.000.000			
-Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền	15.000.000	764.000	5,09	#REF!
+Tiểu mục 6601: Cước phí điện thoại	6.000.000	137.000	2,28	93,20
+Tiểu mục 6603: cước phí bưu chính				
+Tiểu mục 6605: Cước phí Internet	6.000.000	627.000	10,45	100,00
+Tiểu mục 6608: Báo, Tạp trí	3.000.000			
+Tiểu mục 6649: Khác				
Mục 6700: công tác phí	42.000.000	10.600.000	25,24	
+ Tiểu mục 6702: Phụ cấp công tác phí				
+ Tiểu mục 6703: Tiền thuê phòng ngủ				
+ Tiểu mục 6704: Khoán công tác phí		10.600.000		28,65
+ Tiểu mục 6751: Thuê phương tiện vận chuyển				
-Mục 6900: Sửa chữa tài sản thường xuyên	53.000.000			
+Tiểu mục 6912: Sửa chữa thiết bị tin học	18.000.000			
+Tiểu mục 6913: Sửa chữa thiết bị Văn Phòng	25.000.000			
Tiểu mục 6949: Sửa chữa khác	10.000.000			
-Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
+Tiểu mục: 7012: Sách, tài liệu, chế độ dùng				
Mục 7750: Chi khác	37.000.000	6.387.200	17,26	39,92
+ Tiểu mục 7756: Chi các khoản phí				
+ Tiểu mục 7761: Chi tiếp khách	17.000.000			
+Tiểu mục 7799: Chi các khoản khác	20.000.000	6.387.200	31,94	39,92



	Mục 7900: Chi cho các sự kiện lớn				
	+ Tiêu mục 7903: Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn				
	Mục 7950: Chi lập các quỹ của đơn vị	56.000.000			
	+Tiêu mục 7951: Quỹ bổ sung thu nhập				
	+ Tiêu mục 7952: Quỹ phúc lợi				
2	<i>Nguồn kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ</i>	23.000.000			
	+ Tiêu mục 6955: Tài sản và thiết bị văn phòng	18.000.000			
	+ Tiêu mục 7053: Duy trì phần mềm quản lý tài sản	2.500.000			
	+ Tiêu mục 7053: Duy trì phần mềm quản lý viên chức	2.500.000			



GIÁM ĐỐC
Lã Khắc Khánh